TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST
Ngày 28 – 9 – 2023
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLST- DS, ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh B, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Nh, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Bà Võ E, sinh năm 1977 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Nh, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Anh B trình bày:

Vào ngày 10/9/2019, vợ chồng ông T và bà E có mở dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với 28 thành viên tham gia, trong đó có ông. Đến ngày 06/5/2020, ông T có gọi điện cho ông thông báo là vỡ hụi, sau đó các hụi viên có ngồi lại bàn với nhau và thống nhất duy trì chân hụi nêu trên. Đến ngày 20/6/2021 thì ông dừng lại không đóng tiếp do ông cảm thấy gia đình ông T và bà E không thể duy trì lâu dài. Tính từ thời gian từ ngày 10/9/2019 đến ngày 20/6/2021 thì vợ chồng ông T và bà E đã nợ ông số tiền hụi là 41.000.000 đồng.

Đến ngày 21/02/2023 âm lịch, nhằm ngày 12/3/2023 dương lịch thì bà E và ông T có mang số tiền 12.000.000 đồng qua trả cho ông và hứa đúng một tháng sau là ngày 11/4/2023 dương lịch sẽ trả hết phần còn lại tương đương số tiền là 29.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày hẹn thì vợ chồng ông T và bà E không thực hiện đúng lời hứa là đến ngày 11/4/2023 sẽ trả dứt điểm cho ông và còn thách ông đi thưa.

Sau đó, ông có gửi đơn yêu cầu đến Tổ hoà giải ấp Nh thì bà E và ông T đề nghị chỉ trả cho ông mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Ông yêu cầu bà E và ông T phải trả dứt điểm cho ông đúng theo những gì bà E và ông T đã hứa. Nhưng hai bên không thể đi đến thống nhất chung.

Nay ông yêu cầu giải quyết buộc anh Trần T và bà Võ E phải trả cho ông số tiền hụi là 29.000.000 đồng, ông không đồng ý việc bà Võ E, ông T trả cho ông mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ông xin rút lại yêu cầu bà E và ông T trả cho ông số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 11/4/2023.

Bị đơn bà Võ E trình bày tại Biên bản làm việc ngày 06/7/2023 của Tòa án và tại phiên tòa:

Vào ngày 10/9/2019, vợ chồng bà có mở dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với 28 thành viên tham gia, hụi có 41 chưng, trong đó có ông Nguyễn Anh B tham gia 01 chưng. Đến ngày 06/5/2020, vợ chồng bà ông thông báo là vỡ hụi, sau đó các hụi viên có ngồi lại bàn với nhau và thống nhất duy trì chân hụi nêu trên. Đến ngày 20/6/2021, thì ông B dừng lại không đóng tiếp cho vợ chồng bà do ông B cảm thấy gia đình vợ chồng bà không thể duy trì lâu dài. Tính từ thời gian từ ngày 10/9/2019 đến ngày 20/6/2021 thì vợ chồng bà đã nợ ông B số tiền hụi là 41.000.000 đồng.

Đến ngày 21/02/2023 âm lịch, nhằm ngày 12/3/2023 dương lịch thì vợ chồng bà đã trả cho ông B số tiền 12.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 29.000.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho ông B số tiền hụi là 29.000.000 đồng, yêu cầu trả cho ông B mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi nào dứt nợ vì hiện tại bà nợ rất nhiều người, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không đồng ý trả phần tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 11/4/2023 cho ông B.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Trần T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Tòa án không có lời khai của ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Anh B yêu cầu bà Võ E và ông Trần T trả số tiền nợ hụi là 29.000.000 đồng. Ông xin rút lại yêu cầu bà E và ông T về việc trả số tiền lãi của số tiền hụi 29.000.000 đồng theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 11/4/2023.

Bị đơn bà Võ E thừa nhận và đồng ý trả cho ông Nguyễn Anh B số tiền nợ hụi còn thiếu là 29.000.000 đồng. Số tiền nợ hụi này chồng bà là ông Trần T có biết, bà xác định là nợ chung của bà và ông T. Do ông T đi làm ăn xa nên không về tham dự phiên tòa được. Bà đồng ý việc ông B rút lại yêu cầu đối với bà E và ông T về việc trả số tiền lãi của số tiền hụi 29.000.000 đồng theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 11/4/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 30 tháng 5 năm 2023, ông Nguyễn Anh B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp nợ hụi với ông Trần T và bà Võ E. Khi khởi kiện, ông T và bà E cư trú tại ấp Nh, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh B về việc yêu cầu bà Võ E và ông Trần T trả số tiền hụi là 29.000.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, cả ông B và bà E đều thống nhất xác định: Ông Nguyễn Anh B có tham gia một chưng hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày ngày 10/9/2019 âm lịch, với 28 thành viên tham gia, hụi có 41 chưng. Đến ngày 06/5/2020, thì bà E và ông T thông báo với ông B là vỡ hụi. Tuy nhiên, ông B vẫn đóng hụi đến ngày 20/6/2021. Tính từ ngày 10/9/2019 đến ngày 20/6/2021 thì bà E và ông T đã nợ ông B số tiền hụi là 41.000.000 đồng. Bà E và ông T đã thanh toán cho ông B được số tiền 12.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 29.000.000 đồng. Nay ông B yêu cầu bà E và ông T thanh toán số tiền hụi 29.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2023 của Ban nhân dân ấp Nh, xã Đ và biên bản làm việc ngày 06/7/2023 của Tòa án, bà Võ E thừa nhận và đồng ý thanh toán cho ông B số tiền hụi 29.000.000 đồng.

Bà E xác định việc mở hụi thì bà và ông T cùng thực hiện, làm kinh tế chung trong gia đình, quan hệ hôn nhân của bà E và ông T vẫn đang tồn tại, số tiền nợ hụi ông B là nợ chung của vợ chồng, ông T có biết việc này nhưng ông T đã đi làm thuê ở xa nên không đến Tòa án được. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông B với bà E và ông T có xảy ra giao dịch hụi trên thực tế. Trên cơ sở thừa nhận của bà E thì có căn cứ xác định số tiền nợ hụi 29.000.000 đồng là nợ chung của bà E và ông T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B đối với bà E và ông T, buộc bà E và ông T có trách nhiệm thanh toán cho ông B số tiền hụi 29.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày ngày 30/5/2023, ông B yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm của số tiền hụi

29.000.000 đồng từ ngày 11/4/2023. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 16/8/2023 và tại phiên tòa, ông B xin rút lại toàn bộ yêu cầu tiền lãi đối với bà E và ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi của ông B đối với bà E và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của ông B đối với bà E và ông T.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà E và ông T phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của ông B được chấp nhận là 29.000.000 đồng với số tiền án phí 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Anh B không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Anh B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009175 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 , điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 227, 228, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh B đối với bà Võ E và ông Trần T.

Buộc bà Võ E và ông Trần T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Anh B số tiền hụi 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh B đối với bà Võ E và ông Trần T về yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm của số tiền hụi 29.000.000 đồng từ ngày 11/4/2023.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Võ E và ông Trần T phải chịu án phí số tiền là 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi triệu đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Ông Nguyễn Anh B không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Anh B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 725.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0009175 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Chí Thêm